

DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021 SANG NĂM 2022
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ - HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021					Giải ngân vốn năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	trong đó:				
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
	Tổng số	2,388,739	454,221	1,366,983	474,035	93,500	2,140,612	249,651	38,428	149,077	49,089	13,057	
A	Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố	1,490,626	286,200	1,127,426	77,000		1,348,487	142,139	32,997	104,342	4,800		
1	Thành phố Đồng Xoài	189,680	28,000	161,680			164,303	25,377	1,471	23,906			UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục bố trí vốn cho các dự án đảm bảo theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ
2	Thị xã Bình Long	65,900	23,900	42,000			62,793	3,107	1,084	2,023			
3	Thị xã Phước Long	116,500	21,500	95,000			104,697	11,803	27	11,776			
4	Huyện Đồng Phú	118,000	30,000	88,000			83,268	34,732	14,531	20,201			
5	Huyện Bù Đăng	137,000	30,000	72,000	35,000		136,920	80	24	56			
6	Huyện Bù Gia Mập	81,500	24,500	36,000	21,000		79,326	2,174	809	1,365			
7	Huyện Chơn Thành	206,446	25,700	180,746			205,984	462	4	458			
8	Huyện Hớn Quản	106,600	24,600	82,000			103,938	2,662	256	2,406			
9	Huyện Lộc Ninh	222,400	32,400	190,000			203,714	18,686	2,643	16,043			
10	Huyện Bù Đốp	77,300	22,300	34,000	21,000		66,421	10,879	1,177	4,902	4,800		
11	Huyện Phú Riềng	169,300	23,300	146,000			137,123	32,177	10,971	21,206			
B	Vốn thực hiện dự án	509,082	150,000	156,543	109,039	93,500	435,891	73,191	1,911	36,682	21,541	13,057	
I	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	153,464		24,648	35,316	93,500	125,829	27,635		11,515	3,063	13,057	
1	Các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đồng Xoài I	800		800				800		800			Dự án vướng GPMB và còn nhu cầu vốn để triển khai thi công năm 2022
2	Hai tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa tỉnh (đường Nguyễn Chánh và đường QH số 30)	22,000		22,000			11,868	10,132		10,132			Dự án vướng GPMB và còn nhu cầu vốn để triển khai thi công năm 2022
3	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	93,500				93,500	80,443	13,057				13,057	Bố trí vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2022
4	Xây dựng cầu nối và sân vườn bệnh viện đa khoa tỉnh	16,000			16,000		15,930	70			70		Bố trí vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2022
5	Xây dựng Trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT chuyên Quang Trung	13,500			13,500		13,360	140			140		Bố trí vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2022

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021					Giải ngân vốn năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	trong đó:				
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
6	Dự án cơ sở hạ tầng định hướng phát triển bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (dự án suối rạt + đường phía đông nam QL14)	200			200			200			200		Bổ trí vốn để thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư
7	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu-Thành phần tỉnh Bình Phước	1,200			1,200		380	820			820		Bổ trí vốn để thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư
8	Nâng cấp, mở rộng ĐT753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu	1,882			1,882		1,047	835			835		Bổ trí vốn để thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư
9	Xây dựng đường kết nối các khu CN khu vực huyện Chơn Thành	880		880			758	122		122			Bổ trí vốn để thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư
10	Đường cao tốc TPHCM - Thủ Dầu Một - Chơn Thành	200			200			200			200		Bổ trí vốn để thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư
11	Xây dựng đường phía tây nam huyện Đồng Phú (từ ĐT 741 vào đường Đồng Phú - Bình Dương)	968		968			507	461		461			Bổ trí vốn để thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư
12	Xây dựng trường TH, THCS&THPT Tân Phú TP. Đồng Xoài	1,700			1,700		1,108	592			592		Bổ trí vốn để thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư
13	Công viên khu hành chính tỉnh	634			634		428	206			206		Bổ trí vốn để thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư
II	Thành phố Đồng Xoài	26,320		26,320			22,483	3,837		3,837			
1	Kè và hệ thống đường giao thông dọc hai bên suối Đồng Tiền - suối Tầm Vông TX Đồng Xoài	25,000		25,000			21,413	3,587		3,587			Bổ trí vốn để tất toán công trình năm 2022
2	Xây dựng đường vành Đai thành phố Đồng Xoài từ Khu công nghiệp Đồng Xoài I đến đường Phú Riêng Đỏ	1,320		1,320			1,070	250		250			Bổ trí vốn để thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư
III	Huyện Chơn Thành	47,595		38,595	9,000	-	27,472	20,123	-	15,638	4,485		
1	Các tuyến đường trục xuyên tâm để hình thành các phường huyện Chơn Thành	37,700		37,700			22,957	14,743		14,743			Dự án vướng GPMB và nhu cầu vốn để triển khai thi công năm 2022
2	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm	9,000			9,000		4,515	4,485			4,485		Bổ trí vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2022
3	Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	895		895				895		895			Bổ trí vốn để thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư
IV	Huyện Đồng Phú	5,000		5,000			3,632	1,368		1,368			

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021					Giải ngân vốn năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	trong đó:				
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
1	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	5,000		5,000			3,632	1,368		1,368			Bổ trí vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2022
V	Huyện Bù Đốp	27,000			27,000		25,850	1,150			1,150		
1	Xây dựng trường mầm non Hưng Phước	27,000			27,000		25,850	1,150			1,150		Bổ trí vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2022
VI	Huyện Bù Gia Mập	338		338				338		338			
1	Xây dựng đường liên xã Phú Nghĩa đi Phú Văn	338		338				338		338			Bổ trí vốn để thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư
VII	Huyện Phú Riềng	39,000		30,000	9,000		32,827	6,173		1,562	4,611		
1	Xây dựng nhà đa năng và hạ tầng Trường trung học phổ thông Nguyễn Khuyến	9,000			9,000		4,389	4,611			4,611		Bổ trí vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2022
2	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản	25,000		25,000			24,067	933		933			Bổ trí vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2022
3	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	5,000		5,000			4,371	629		629			Bổ trí vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2022
VIII	Sở Y tế	660			660		495	165			165		
1	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	660			660		495	165			165		Bổ trí vốn để thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư
IX	Sở Giáo dục và Đào tạo	1,760			1,760			1,760			1,760		
1	Dự án đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025	1,760			1,760			1,760			1,760		Bổ trí vốn để thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư
X	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	912		912				912		912			
1	Nâng cấp Trung tâm Dạy nghề thị xã Phước Long (giai đoạn 1)	473		473				473		473			Bổ trí vốn để tất toán công trình năm 2022
2	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Dạy nghề huyện Bù Đăng	23		23				23		23			Bổ trí vốn để tất toán công trình năm 2022
3	Trung tâm Dạy nghề huyện Đồng Phú	309		309				309		309			Bổ trí vốn để tất toán công trình năm 2022
4	Trung tâm Dạy nghề huyện Bù Gia Mập	107		107				107		107			Bổ trí vốn để tất toán công trình năm 2022
XI	Công an tỉnh	12,000		12,000			11,130	870		870			
1	Xây dựng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh	12,000		12,000			11,130	870		870			Bổ trí vốn để tất toán công trình năm 2022

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2021					Giải ngân vốn năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến ngày 31/12/2022					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:					Tổng số	trong đó:				
			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
XII	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	18,730		18,730			18,088	642		642			
1	Xây dựng, nâng cấp doanh trại Bệnh xá K23 BCH Quân sự tỉnh	9,000		9,000			8,582	418		418			Bổ trí vốn để tất toán công trình năm 2022
2	Xây dựng, nâng cấp Trường Quân sự Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	9,730		9,730			9,506	224		224			Bổ trí vốn để tất toán công trình năm 2022
XIII	Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM	150,000	150,000				148,089	1,911	1,911				
1	Trả nợ mua xi măng	150,000	150,000				148,089	1,911	1,911				
XIV	Sở Kế hoạch và Đầu tư	26,303			26,303		19,996	6,307			6,307		
1	Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch	26,303			26,303		19,996	6,307			6,307		
C	Chương trình MTQG nông thôn mới	309,590	18,021	83,014	208,555		280,682	30,432	3,520	8,053	18,859		
1	Thành phố Đồng Xoài	6,000		6,000			5,559	441		441			UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục bổ trí vốn cho các nhiệm vụ của chương trình
2	Thị xã Bình Long	2,500		2,500			1,125	1,375		1,375			
3	Thị xã Phước Long	1,476		1,476			2,972	28		28			
4	Huyện Đồng Phú	25,937	21		25,916		23,785	2,152			2,152		
5	Huyện Bù Đăng	73,038		73,038			66,829	6,209		6,209			
6	Huyện Bù Gia Mập	31,638			31,638		28,159	3,479			3,479		
7	Huyện Hớn Quản	56,648			56,648		54,953	1,695			1,695		
8	Huyện Lộc Ninh	58,480	12,000		46,480		57,698	782	450		332		
9	Huyện Phú Riềng	53,873	6,000		47,873		39,602	14,271	3,070		11,201		
D	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	79,440.5			79,440.5		75,552	3,888.5			3,888.5		
1	Thành phố Đồng Xoài	590			590		590				590		UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục bổ trí vốn cho các nhiệm vụ của chương trình
2	Huyện Bù Đăng	17,582.5			17,582.5		15,263	2,319.5			2,319.5		
3	Huyện Bù Gia Mập	33,396			33,396		32,738	658			658		
4	Huyện Hớn Quản	4,500			4,500		4,484	16			16		
5	Huyện Lộc Ninh	12,768.5			12,768.5		12,616	152.5			152.5		
6	Huyện Bù Đốp	7,186			7,186		7,049	137			137		
7	Huyện Phú Riềng	3,417.5			3,417.5		3,402	16			16		